

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

Bản án số: 53/2021/HSST
Ngày 25/08/2021

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Đinh Văn Tân

2- Ông Đặng Văn Thuận

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T tham gia phiên tòa: Ông Hàn Văn Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/08/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2021/HSST ngày 25 tháng 06 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS, ngày 17/07/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐ-ST ngày 27/07/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn Q; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/11/1981, tại thị trấn V, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn V, huyện T, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Có bố: Phạm Văn L (Đã chết), có mẹ: Nguyễn Thị T (Đã chết); Có vợ: Lê Thị P; có 02 con, lớn 14 tuổi, nhỏ 01 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/3/2012, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù giam về tội Cố ý gây thương tích; Ngày 07/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 33 tháng tù giam về tội Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc; Ngày 16/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 07 tháng tù giam về tội Đánh bạc. Tính đến thời điểm phạm tội nêu trên, bị can đã chấp hành xong tất cả các bản án và đương nhiên được xóa án tích; Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 28/5/1975, tại xã HL, huyện HT, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn VB, xã TT, huyện T, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Có bố: Nguyễn Văn Th (Đã chết), có mẹ: Đào Thị B; có vợ: Trịnh Thị Z; có 02 con, lớn 22 tuổi, nhỏ 18 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/8/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội đánh bạc. Tính đến thời điểm

phạm tội nêu trên, bị can đã chấp hành xong bản án và đương nhiên được xóa án tích; Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn D1; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 20/01/1987, tại thị trấn V, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố TQ, thị trấn V, huyện T, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Có bố: Nguyễn Văn X, có mẹ: Trần Thị O; có vợ: Bùi Thị Y; có 02 con, lớn 08 tuổi, nhỏ 05 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Tính đến thời điểm phạm tội nêu trên, bị can đã chấp hành xong bản án và đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

4. Họ và tên: Hà Văn D2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 23/9/1989, tại xã T2, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn XH, xã T2, huyện T, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; có bố: Hà Văn I; có mẹ: Đỗ Thị U; Có vợ: Đào Thị Q; Bị cáo có 02 con, lớn 08 tuổi, nhỏ 05 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

5. Họ và tên: Mai Đình H2; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 16/3/1978, tại xã NT, huyện N, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn 1, xã NT, huyện N, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12. Có bố: Mai Đình C; có mẹ: Thịnh Thị V; Vợ: Phan Thị G; Bị can có 02 con, lớn 07 tuổi, nhỏ 03 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

6. Họ và tên: Trịnh Minh S; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 12/12/1981, tại thị trấn V, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn V, huyện T, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; có bố: Trịnh Minh Sg; có mẹ: Nguyễn Thị Nh; có vợ: Huỳnh Thị N; Bị cáo có 03 con, lớn nhất 11 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

7. Họ và tên: Nguyễn Văn M; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/6/1983, tại xã T2, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Thôn CT, xã T2, huyện T, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; có bố: Nguyễn Văn R - Đã chết; Mẹ: Lê Thị

Vg; có vợ: Bùi Thị Ch Bị cáo có 02 con, lớn 09 tuổi, nhỏ 05 tuổi; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

8. Họ và tên: Đỗ Anh T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 06/7/1987, tại xã TB, huyện T, tỉnh T; Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn V, huyện T, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; có bố: Đỗ Khắc Lg - Đã chết; Mẹ: Nguyễn Thị Mh; có vợ: Vũ Thị Ánh E; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2021; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay.

9. Họ và tên: Hoàng Văn D3 - Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 21/04/1987, tại xã HL, huyện HT, tỉnh T; Nơi cư trú: thôn QB, xã HL, huyện HT, tỉnh T; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; có bố: Hoàng Công Ng; Có mẹ: Chu Thị K; có vợ: Trần Thị Anh Đ; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt, tạm giữ 03 ngày, kể từ 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 đến 13 giờ 00 phút ngày 04/4/2021, sau đó bị khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh cho đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương chờ xử lý.

Các bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc có các đối tượng đánh bạc trái phép tại nhà của ông Nguyễn Thành D4 ở khu phố 2, thị trấn V, huyện T, vào lúc 00 giờ 45 phút ngày 02/4/2021, tổ công tác Công an huyện T đã tiến hành kiểm tra nhà ở của gia đình ông Du và phát hiện, bắt quả tang các đối tượng Hà Văn D2, sinh năm 1989, trú tại thôn XH, xã T2, Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975, trú tại thôn Vạn Bảo, xã TT, Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1987, Trịnh Minh S, sinh năm 1981, cùng trú tại khu phố 2, thị trấn V, Mai Đình H2, sinh năm 1978, trú tại thôn 1, xã NT, huyện NS, Nguyễn Văn M, sinh năm 1983, trú tại thôn CT, xã T2, Đỗ Anh T, sinh năm 1987, trú tại khu phố 1, thị trấn V, Hoàng Văn D3, sinh năm 1987, trú tại thôn QB, xã HL, huyện HT và Phạm Văn Q, sinh năm 1981, trú tại khu phố P, thị trấn V đang đánh bạc trái phép tại gian bếp của gia đình ông D4, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 43.400.000 đồng (bao gồm 51 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 79 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 21 tờ mệnh giá 100.000 đồng), 36 lá bài tứ lơ khơ từ A (tức Át) đến 9, ngoài ra còn thu giữ trên người đối tượng Nguyễn Văn M số tiền 9.500.000 đồng, thu tại khu vực đánh bạc số tiền 15.900.000 đồng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các đối tượng nêu trên, thu giữ, niêm phong các tang vật liên quan để phục vụ công tác điều tra vụ án (Bút lục 01 - 04, 111 - 113).

Tại Cơ quan điều tra, các bị can đều đã thành khẩn khai nhận: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 01/4/2021, D2, H1, D1, H2, M và Q đến nhà ông D4 chơi trước. Trong lúc ngồi uống nước, thấy bà Bùi Thị H3 (vợ ông D4) đã đi ngủ, trên cửa sổ của gia đình có bộ bài tú lơ khơ nên D2, H1, D1, H2, M, Q rủ nhau xuống gian bếp đánh bài ba cây cầm chương ăn tiền, mức cược mỗi ván từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Một lúc sau, có thêm T, S, D3 lần lượt đến tham gia đánh bạc cùng. Quá trình đánh bạc, ông D4 có về nhà chửi bới, không cho chơi nữa nhưng sau khi ông D4 đi ngủ thì cả bọn tiếp tục đánh bạc. Đến 00 giờ 45 phút ngày 02/4/2021, thì bị Tổ công tác Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 43.400.000 đồng và các tang vật liên quan. Bị cáo M còn khai số tiền 9.500.000 đồng lực lượng Công an thu giữ trên người bị cáo khi bắt quả tang là tiền cá nhân, M không sử dụng để đánh bạc (Bút lục 127 - 135, 145 - 152, 164 - 172, 185 - 193, 207 - 219, 230 - 238, 248 - 259, 269 - 277, 287 - 297)

Người làm chứng Quách Văn Đ khai: Vào tối ngày 01/4/2021, Đ đến nhà ông D4, thấy Q, S, H1, D1, T và một số người khác đang đánh bạc ở gian bếp của gia đình ông Du. Đạt không tham gia đánh mà ngồi trên ghế xem các đối tượng này đánh bạc cho đến khi bị lực lượng công an phát hiện, bắt giữ (Bút lục 331 - 334).

Bà Bùi Thị H3 khai: Vào tối ngày 01/4/2021 có một số người đến nhà bà chơi, chờ gặp ông D4. Sau khi ngồi uống nước, bà đi lên tầng 2 để ngủ, đến khi lực lượng Công an đến bắt quả tang bà mới biết có việc đánh bạc ở nhà mình (Bút lục 323 - 326).

Ông Nguyễn Thành D4 khai: Vào tối ngày 01/4/2021, sau khi đi uống rượu về đến nhà thấy có một nhóm người đang đánh bạc ở gian phòng bếp của gia đình, ông không đồng ý cho các đối tượng này đánh bạc nên đã quát, yêu cầu những người này không được tiếp tục đánh bạc nữa. Sau đó, do say rượu nên ông đi lên tầng 2 của gia đình ngủ, những người còn lại làm gì ông không biết. Ông có để số tiền 15.900.000 đồng ở khu vực chạn bát trong phòng bếp, khi bắt quả tang lực lượng Công an đã thu giữ số tiền này (Bút lục 327 - 330).

Kết luận giám định số 1360/PC09 ngày 14/4/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T xác định toàn bộ 151 tờ tiền Polyme Việt Nam có tổng giá trị 43.400.000 đồng (bao gồm 51 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 79 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 21 tờ mệnh giá 100.000 đồng) đã thu giữ gửi giám định đều là tiền thật (Bút lục 116).

Đối với số tiền 9.500.000 đồng thu giữ trên người bị cáo Nguyễn Văn M, quá trình điều tra M khai đây là tiền cá nhân của M, không sử dụng để đánh bạc, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh M đã, sẽ sử dụng số tiền này vào mục đích đánh bạc nên không có căn cứ xác định đây là tiền đánh bạc.

Số tiền 15.900.000 đồng thu giữ trong khu vực chạn bát trong gian bếp của gia đình ông D4, quá trình điều tra xác định đây là tiền của ông D4, không liên quan đến hành vi đánh bạc của các bị can.

Đối với ông D4, bà H3 và anh Quách Văn Đ đều không tham gia đánh bạc; ông D4, bà H3 là chủ nhà nhưng bà H3 không biết sự việc đánh bạc tại nhà mình,

còn ông D4 khi về đến nhà thấy có đánh bạc đã ngăn cản, không đồng ý cho đánh bạc tại nơi ở của mình nên hành vi của những người này không phải là tội phạm.

Xác minh về nhân thân của các bị cáo xác định, tại thời điểm phạm tội nêu trên bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1 là những người đã bị kết án, tuy đã được xóa án tích nhưng được coi là có nhân thân xấu; các bị can khác chưa bị kết án hoặc xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo Mai Đình H2 có bố là người đã tham gia kháng chiến, nhiều lần được tặng thưởng huân, huy chương.

Quá trình được tại ngoại, các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H1 đã cung cấp thông tin cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T điều tra, khám phá tội phạm, được thủ trưởng Cơ quan điều tra xác nhận bằng văn bản.

Xác minh điều kiện tài sản của các bị cáo, xác định các bị can Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H1 có tài sản chung với gia đình; các bị cáo còn lại đều không có tài sản có giá trị đáng kể.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, thông qua bắt người phạm tội quả tang và người phạm tội tự giác giao nộp, Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- Tiền Việt Nam đồng: 68.800.000 đồng, trong đó có 43.400.000 (bao gồm 51 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 79 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 21 tờ mệnh giá 100.000 đồng) thu giữ trên chiếu bạc; 9.500.000 đồng thu giữ trên người Nguyễn Văn M; 15.900.000 đồng thu ở khu vực đánh bạc.

- 36 lá bài Tú lơ khơ, từ A (át) đến 9.

Quá trình điều tra xác định số tiền 9.500.000 đồng thu trên người Nguyễn Văn M là tài sản hợp pháp của M; số tiền 15.900.000 đồng trong khu vực đánh bạc là tài sản hợp pháp của ông D4, không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý, giao trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 48/CTr - VKS TT, ngày 22/06/2021, VKSND huyện Thạch Thành đã truy tố các bị cáo Hà Văn D2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1, Trịnh Minh S, Mai Đình H2, Nguyễn Văn M, Đỗ Anh T, Hoàng Văn D3, Phạm Văn Q về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 BLHS đối với Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Dũng, Phạm Văn Q (áp dụng thêm Điểm t Điều 51 cho bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H1; Khoản 2 Điều 51 cho bị cáo Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn Dũng) để xử phạt các bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù

- Khoản 1 điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS đối với các bị cáo Hà Văn D2, Trịnh Minh S, Mai Đình H2, Nguyễn Văn M, Đỗ Anh T, Hoàng Văn D3 (áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo Mai Đình H2, Hà Văn D2) để xử phạt các bị cáo: D2, S, H1 từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo T, D3, Minh từ 14 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo.

- Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng điều 47 BLHS, điều 106 BLTTHS tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 43.400.000 (bao gồm 51

tờ mệnh giá 500.000 đồng, 79 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 21 tờ mệnh giá 100.000 đồng) thu giữ trên chiếu bạc; Tịch 36 lá bài Tú lơ khơ, từ A (át) đến 9. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tranh tụng các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng truy tố. Về phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra công an huyện T và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo và những người làm chứng tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, hiện trường vụ án, vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng từ 22 giờ ngày 01/02/2021 đến 01 giờ 45 phút ngày 02/4/2021 tại gia đình ông Nguyễn Thành D4 ở khu phố 2, thị trấn V, huyện T, Công an huyện T phát hiện, bắt quả tang các đối tượng Hà Văn D2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1, Trịnh Minh S, Mai Đình H2, Nguyễn Văn M, Đỗ Anh T, Hoàng Văn D3, Phạm Văn Q đang đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh ba cây cầm chương, được thua bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 43.400.000đ (bốn ba triệu bốn trăm ngàn đồng). Tại Kết luận giám định số 1360/PC09 ngày 14/4/2021 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T xác định toàn bộ số tiền trên là tiền Việt Nam đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của VKSND huyện Thạch Thành truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được điều hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H1 trong thời gian tại ngoại lập công chuộc tội nên HĐXX áp dụng thêm Điểm u Khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo Hà Văn D2, Trịnh Minh S, Mai Đình H2, Nguyễn Văn M, Đỗ

Anh T, Hoàng Văn D3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên HĐXX áp dụng Điểm i Khoản 1 Điều 51 BLHS cho các bị cáo. Đối với bị cáo Mai Đình H2, Hà Văn D2, Nguyễn Văn H1 thân nhân trong gia đình có công với nhà nước nên HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 51 cho hai bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Văn D1 trong thời gian chuẩn bị xét xử có tinh thần cộng đồng, ủng hộ quỹ phòng chống covid-19, đây là nghĩa cử cao đẹp cần được phát huy trong thời gian cả nước đang đề cao tinh thần chống dịch nên HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ này là cơ sở để HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo khi lượng hình.

[5]. Tính chất vai trò trong vụ án và tránh nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Các bị cáo D2, H1, D1, H2, M và Q cùng thống nhất và tham gia cùng đánh bạc trước nên vai trò vị trí ngang nhau các bị cáo phải chịu mức án tương xứng nhau, các bị cáo T, S, D3 tham gia đánh bạc sau nên vai trò và trách nhiệm hình sự thấp hơn các bị cáo khác là phù hợp. Đây là vụ án hình sự ít nghiêm trọng do các bị cáo Hà Văn D2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1, Trịnh Minh S, Mai Đình H2, Nguyễn Văn M, Đỗ Anh T, Hoàng Văn D3, Phạm Văn Q thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, làm mất an ninh trật tự xã hội, xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm đồng thời làm gia tăng các tệ nạn xã hội khác nên cần xét xử nghiêm để làm gương cho những người khác có ý định phạm tội. Các bị cáo Hà Văn D2, Trịnh Minh S, Mai Đình H2, Nguyễn Văn M, Đỗ Anh T và Hoàng Văn D3 lần đầu phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhân thân chưa có lần nào phạm tội có nơi cư trú rõ ràng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên HĐXX xét thấy không cần thiết cách ly ra các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo cải tạo ngoài địa phương cũng đủ cải tạo các bị cáo thành công dân có ích. Đối với các bị cáo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1 có nhân thân xấu, đã từng bị tòa án xét xử về các tội phạm khác nhau nên HĐXX cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục các bị cáo thành công dân tốt. Tuy nhiên các bị cáo Q, H1, D1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1,2 Điều 51 BLHS nên HĐXX khi lượng hình giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần hình phạt để thấy được sự khoan hồng của nhà nước để yên tâm cải tạo.

[6]. Về hình phạt tiền bổ sung: HĐXX xét thấy các bị cáo không có tài sản gì đáng kể nên không áp dụng dùng phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 43.400.000đ (bốn ba triệu bốn trăm ngàn đồng) các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là số tiền phạm pháp cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Các vật chứng là 36 lá bài Tú lơ khơ, từ A (át) đến 9 là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Hà Văn D2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1, Trịnh Minh S, Mai Đình H2, Nguyễn Văn M, Đỗ Anh T, Hoàng Văn D3, Phạm Văn Q phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 38 BLHS cho các Phạm Văn Q, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1 (áp dụng thêm Điểm u Khoản 1 Điều 51 BLHS cho bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Văn Q), (áp dụng thêm Khoản 2 Điều 51 BLHS Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn D1).

Xử phạt:

1. Bị cáo Phạm Văn Q 15(mười lăm)tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi ba ngày tạm giữ (từ ngày 02/04/2021 đến ngày 04/04/2021).

2. Bị cáo Nguyễn Văn H1 15(mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi ba ngày tạm giữ (từ ngày 02/04/2021 đến ngày 04/04/2021)

3. Bị cáo Nguyễn Văn D1 15(mười lăm)tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ đi ba ngày tạm giữ (từ ngày 02/04/2021 đến ngày 04/04/2021)

Áp dụng: Khoản 1 điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Điều 65 BLHS cho các bị cáo Hà Văn D2, Trịnh Minh S, Mai Đình H2, Nguyễn Văn M, Đỗ Anh T, Hoàng Văn D3 (áp dụng Khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo Hà Văn D2, Mai Đình H2)

4. Bị cáo Hà Văn D2 15(mười lăm)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

5. Bị cáo Mai Đình H2 15(mười lăm)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

6. Bị cáo Nguyễn Văn M 15(mười lăm)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

7. Bị cáo Đỗ Anh T 14(mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 tháng tính từ ngày tuyên án.

8. Bị cáo Hoàng Văn D3 14(mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 tháng tính từ ngày tuyên án.

9. Bị cáo Trịnh Minh S 14(mười bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Hà Văn D2, Nguyễn Văn M cho UBND xã T2, giao bị cáo Đỗ Anh T, Trịnh Minh Sơn cho UBND thị trấn V, huyện T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Mai Đình H2 cho UBND xã NT, huyện N giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Hoàng Văn D3 cho UBND xã HL, huyện HT giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án.

Trong thời hạn thử thách của án treo nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng: điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c khoản 2, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

-Tịch thu nộp Ngân sách nhà nước tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc 43.400.000đ (bốn ba triệu bốn trăm ngàn đồng)

-Tịch thu tiêu hủy 36 lá bài Tú lơ khơ, từ A (át) đến 9 là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng tài sản giữa cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T và chỉ cục Thi hành án dân sự huyện T ngày 24/08/2021).

-Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận

- Bị cáo;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh T;
- CA huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Quân